

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI KHK
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI KHK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHK TRADING SERVICE AND PRODUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110696189

3. Ngày thành lập: 24/04/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 68, Thôn Phương Nhị, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977138288

Fax:

Email: vanhao86@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh(thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
8.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa	4610
9.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
10.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
11.	Bán buôn thực phẩm	4632
12.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
15.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng)	4662
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn thiết bị phòng cháy chữa cháy, đồ bảo hộ; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn hàng thanh xử lý (Trang bị, thiết bị kỹ thuật, vật tư hàng hóa các loại chậm luân chuyển và thanh xử lý)	4669
21.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
22.	Lập trình máy vi tính	6201
23.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
24.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
25.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
26.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
27.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Chương IV Luật Kinh doanh bất động sản Số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)	6810
28.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (thực hiện theo Chương IV Luật Kinh doanh bất động sản Số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)	6820
29.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công trình nhà công nghiệp, công trình công nghiệp (Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Giám sát thi công xây dựng (Nghị định 15/2021/NĐ-CP)	7110
30.	Quảng cáo	7310
31.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
32.	Cho thuê xe có động cơ	7710

33.	Bán buôn tổng hợp (không tồn trữ hóa chất; trừ bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG)	4690
34.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
35.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
36.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
37.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774
38.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
39.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ bán lẻ bình gas, hóa chất, súng, đạn loại dùng đi sẵn hoặc thể thao và tiền kim khí)	4789
40.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 8 Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4932
41.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933
42.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (Điều 4 Nghị định 160/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển)	5012
43.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5022
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5221
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5222
46.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).	5224
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5225
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: giao nhận hàng hóa, hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, đại lý làm thủ tục hải quan	5229
49.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
50.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
51.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
52.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

53.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
54.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
55.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
56.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
57.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
58.	Tái chế phế liệu	3830
59.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
60.	Xây dựng nhà không để ở	4102
61.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
62.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
63.	Xây dựng công trình điện (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
64.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
65.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
66.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
67.	Xây dựng công trình thủy	4291
68.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
69.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
70.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
71.	Phá dỡ	4311
72.	Chuẩn bị mặt bằng (loại trừ hoạt động dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng)	4312
73.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
74.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
75.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
76.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
77.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
78.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
79.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (có nội dung được phép lưu hành)	4761
80.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

81.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em, hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự an toàn xã hội)	4764
82.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
83.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. **Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN HÀO	Số 17, Ngõ 56 Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	40,000	040087013463	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	40,000		

2	PHẠM DUY KỲ	Tổ 20, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	30,000	030072008101	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	90.000	900.000.000	30,000		
3	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	Thôn Đông Tiến, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	30,000	042089010519	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	90.000	900.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HÀO

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/11/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040087013463

Ngày cấp: 03/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 17, Ngõ 56 Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 17, Ngõ 56 Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội